



yě cān diàn
野餐垫

noun · picnic blanket

Example Sentence

wǒ men zài cǎo dì shàng pū kāi yě cān diàn

我们在草地上铺开野餐垫。

We spread the picnic blanket on the grass.

Trace each character, then write the word on your own.

野	野	野	野	野	野	野	野	野	野	野
野	野	野								

餐	餐	餐	餐	餐	餐	餐	餐	餐	餐	餐
餐	餐	餐	餐	餐	餐	餐	餐			

垫	垫	垫	垫	垫	垫	垫	垫	垫	垫	垫
垫										